

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành kèm theo quyết định này Phương án bảo vệ
hồ chứa nước Trúc Kinh, tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/04/2001;
Căn cứ Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/05/2007 của Chính Phủ;
Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 của Chính Phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp TN&MT các hồ chứa thủy điện, thủy lợi;
Căn cứ Thông tư số 45/2009/TT-BNNPTNT ngày 24/7/2009 của Bộ NN&PTNT hướng dẫn lập và phê duyệt Phương án bảo vệ công trình thủy lợi;
Xét Tờ trình số 681/TTr-SNN ngày 16/8/2011 của Sở Nông nghiệp & PTNT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án bảo vệ công trình hồ chứa nước Trúc Kinh do Công ty TNHH một thành viên quản lý, khai thác công trình thủy lợi Quảng Trị quản lý và vận hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Những Quy trình trước đây trái với Quy trình này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT, Giám đốc Công ty TNHH MTV quản lý, khai thác công trình thủy lợi Quảng Trị, Chủ tịch UBND huyện Gio Linh, Cam Lộ, thành phố Đông Hà, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

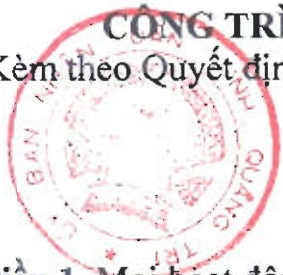
- Như Điều 3;
- Chi cục Thủy lợi & PCLB;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quân Chính

PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
CÔNG TRÌNH: HỒ CHỨA NƯỚC TRÚC KINH
(Kèm theo Quyết định số 1762 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2011
của UBND tỉnh)



CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mọi hoạt động có liên quan đến quản lý khai thác và bảo vệ an toàn công trình thủy lợi Trúc Kinh đều phải tuân thủ:

1. Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001; Nghị định 143/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/11/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định 154/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 143/2003/NĐ-CP;

2. Nghị định 112/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/10/2008 về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi;

3. Nghị định 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập và Thông tư 33/2008/TT-BNN của Bộ Nông nghiệp;

4. Quyết định số 1501 /QĐ-UBND ngày 27/7/2011 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v ban hành Quy trình tạm thời vận hành, điều tiết hồ chứa nước Trúc Kinh, tỉnh Quảng Trị;

5. Thông tư số 45/2009/TT-BNNPTNT ngày 24/7/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn lập và phê duyệt Phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng: Công ty TNHH MTV QLKTCT Thủy lợi Quảng Trị là đơn vị trực tiếp quản lý công trình thủy lợi Trúc Kinh.

Điều 3. Phương án bảo vệ công trình thủy lợi Trúc Kinh là cơ sở pháp lý để Công ty TNHH MTV QLKTCTTL Quảng Trị tổ chức thực hiện đảm bảo an toàn cho công trình trong điều kiện quản lý vận hành bình thường; trong mùa mưa lũ; và trong trường hợp xảy ra sự cố, hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÚC KINH

Điều 4. Đặc điểm công trình:

1. Nhiệm vụ công trình: Phục vụ tưới cho 2.350 ha lúa và cải tạo môi sinh, môi trường các xã Gio Mai, Gio Quang, Gio Việt, Gio Thành – Huyện Gio Linh; các xã Cam An, Cam Thanh – Huyện Cam Lộ và Phường Đông Giang, Đông Thanh – TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

2. Vị trí công trình:

- Công trình đầu mối Trúc Kinh được xây dựng năm 1992, đưa vào khai thác sử dụng năm 1996. Công trình đầu mối thuộc địa bàn xã Linh Hải, xã Gio Quang - huyện Gio Linh, xã Cam An - huyện Cam Lộ có tọa độ: X: 1867518; Y: 719644(tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến trực 105 múi chiếu 6⁰).

- Lưu vực lòng hồ thuộc các xã: Linh Hải, xã Gio Quang - huyện Gio Linh, xã Cam An, Cam Thanh, Cam Thủy - huyện Cam Lộ. Hệ thống kênh

mương và khu tưới thuộc xã Gio Mai, Gio Quang, Gio Việt, Gio Thành - Huyện Gio Linh; các xã Cam An, Cam Thanh - Huyện Cam Lộ và Phường Đông Giang, Đông Thanh - TP Đông Hà

3. Địa hình:

- Lòng hồ nằm trong vùng gò đồi với độ cao lớn nhất +35,0÷ +22,0 và thấp nhất +1,0÷+3,0m. Địa hình vùng lòng hồ có xu hướng dốc thoải thấp dần từ Tây sang Đông.

4. Địa chất:

- Lòng hồ Trúc Kinh nằm trong vùng đất đá sa diệp thạch liên kết sét với đất đồi là á sét lẫn dăm sạn màu nâu vàng đã bị phong hóa mạnh, phần đất lòng sông là các lớp bồi tích dày. Địa chất lòng hồ bảo đảm ổn định về thấm và trượt lở.

5. Tình hình thủy văn khí tượng:

Chế độ khí hậu mang đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa, có 2 mùa rõ rệt:

- Mùa mưa tập trung từ tháng 9 đến tháng 12, có lượng mưa chiếm 85% tổng lượng mưa cả năm.

- Mùa khô từ tháng 1 đến tháng 8, trong mùa này chịu ảnh hưởng mạnh của gió tây nam khô nóng.

- Lượng mưa phân bố các tháng trong năm (phụ lục 2).

- Về mùa mưa thường kèm theo gió bão và gió mùa đông bắc gây mưa lớn, Sông suối trong lưu vực có độ dốc cao, nước tập trung nhanh gây lũ lụt nghiêm trọng. Hệ thống kênh mương hàng năm thường bị ngập lụt.

6. Các chỉ tiêu kỹ thuật thiết kế cơ bản của công trình

- Hệ thống công trình có quy mô gồm:

+ Hồ chứa có dung tích: 39,0 triệu m³ nước.

Đập chính:

+ 01 Đập đất dài: 3.740 m, chiều cao đập đất lớn nhất: 19,60m

Đập phụ 1:

+ 01 Đập đất dài: 680,0 m , chiều cao đập lớn nhất : 6,99m

Đập phụ 2:

+ 01 Đập đất dài: 580,0 m , chiều cao đập lớn nhất : 10,74m

Đập phụ 3:

+ 01 Đập đất dài: 400,0 m , chiều cao đập lớn nhất : 6,75m

+ 01 Công lấy nước dài : 90m, KT : b x h = 1,2 x 1,6 m

+ Tràn xả lũ: Dài 226m, rộng 3x7=21m.

+ Tuyến kênh Chính dài 11.557m

+ 01 trạm bơm có công suất lắp máy: 2 x 22KW

- Các thông số cơ bản của công trình (phụ lục 1)

7. Mặt bằng bố trí công trình và khu tưới: (có bình đồ kèm theo)

8. Quy trình vận hành:

Quy trình vận hành hồ Trúc Kinh thực hiện theo “ *Quy trình tạm thời vận hành, điều tiết hồ chứa nước Trúc Kinh* “ do UBND tỉnh Quảng Trị Quyết định ban hành số 1501 /QĐ-UBND ngày 27/7/2011.

Điều 5. Đánh giá về hiện trạng và an toàn công trình

Hệ thống công trình Trúc Kinh qua hơn 14 năm khai thác sử dụng công trình đầu mối bị xuống cấp. Đập chính một số đoạn tường chắn sóng bằng đá xây bị lún và nứt chân, nền đập một số đoạn bị thấm nhiều, đá lát mái thượng lưu một số đoạn bị xô lệch, mặt đập bị lồi lõm. Cống lấy nước tháp cống bị thấm, tràn xả lũ một số mô tiêu năng bị bong tróc bê tông. Về công trình cụ thể như sau:

1. Lưu vực lòng hồ: Trước đây là vùng đồi núi, cây rừng tự nhiên, thảm thực vật phong phú đa dạng, nhưng trong thời gian qua nhân dân đã chặt phá cây cối, san ủi mặt đất để sản xuất kinh tế. Do đó thảm thực vật lưu vực lòng hồ đến nay được thay thế bằng cây rừng trồng, bao gồm cây cao su, cây tràm và bạch đàn. Do đó về mùa mưa lũ lưu lượng dòng chảy rắn tăng cao, gây bồi lấp lòng hồ vượt mức thiết kế độ che phủ giảm, giảm tuổi thọ của hồ, khả năng sinh thủy hạn chế.

2. Cụm công trình đầu mối:

a. Đập đất:

- Đập đất đồng chất, đỉnh đập có bố trí tường chắn sóng cao 1.0m xây bằng đá xây.

- Mái thượng lưu đập chính được gia cố như sau:

Từ cao trình 5.0 đến 22.0 bằng đá lát dày 30 cm, phía dưới làm tầng lọc ngược.

- Mái hạ lưu trồng cỏ.

- Mặt đập đổ sỏi sạn dày 30cm.

- Thoát nước thân đập kiểu lăng trụ, từ cao trình 6.3-6.5 áp mái hạ lưu đập bằng đá lát dày 30cm, phía dưới làm tầng lọc ngược, chân hạ lưu làm rãnh thoát nước bằng đá xây.

b. Tràn xả lũ :

Tràn đỉnh rộng, cửa van cung, vận hành đóng mở bằng máy và bằng thủ công.

Sau ngưỡng tràn là dốc tràn gia cố bằng BTCT M200, cuối dốc tràn bằng bể tiêu năng.

c. Cống áp lực: Dạng cống hộp, kết cấu bê tông cốt thép, lấy nước kiểu tháp. Năm 2008, sửa chữa nâng cấp cầu công tác và nhà tháp cống, cống vận hành tốt, đóng kín nước.

d. Đường quản lý: Nối từ quốc lộ 1A vào công trình đầu mối, đường dài 3600m, nền đường rộng 5m, mặt đường rộng 3,5 m, đất cấp phối; đường xuống cấp nghiêm trọng.

e. Nhà quản lý đầu mối: Nhà tiêu chuẩn cấp IV diện tích 95,20 m², nhà kiên cố đồ mái bằng và lợp tôn chống nóng, có tường rào bảo vệ.

Đánh giá:

Cụm công trình đầu mối: Nhìn chung vẫn hoạt động bình thường song vẫn có một số vị trí ở đập hư hỏng và có các hiện tượng xuống cấp như sau:

Mái thượng lưu đập chính mặt đá lát bị xô lệch. Khi mực nước trong hồ vượt quá cao trình 17.5 là dòng thấm xuất hiện, cao trình dòng thấm ở mái hạ lưu là 18.0 và thấp nhất ở cao trình 14.0. Đập phụ 2 mái thượng lưu bị lún sụt, mặt mái đá đập thượng lưu bị hư hỏng không còn nguyên hiện trạng. Tường tháp công đoạn từ cao trình 15.0 đến 16.0 xuất hiện 2 lỗ phun từ bên ngoài vào bên trong tháp. Tường chắn sóng đập chính bị boong rộp lớp vữa trên đỉnh tường $L=50m$.

3. Kênh Chính

Kênh Chính: Dài 11.557m. Lưu lượng thiết kế đầu kênh $Q_{TK} = 4,3 m^3/s$.

Kênh chính được xây dựng năm 1996, qua quá trình khai thác sử dụng kênh đã xuống cấp, năng lực tưới yếu. Kênh chính được nâng cấp sửa chữa nhiều đoạn, kênh chính từ vị trí K3 -Kc là kênh nổi nên mái ngoài kênh nhiều vị trí bị sạt

Điều 6. Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ công trình:

1. Tình hình quản lý khai thác công trình:

Để quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi Trúc Kinh, Công ty TNHH MTV QLKTCTTL Quảng Trị giao cho Xí nghiệp thủy nông Gio Cam Hà đảm nhận, trong đó Cụm thủy nông Trúc Kinh là đơn vị trực tiếp chịu trách nhiệm quản lý khai thác vận hành và bảo vệ công trình.

Với trách nhiệm đó Cụm thủy nông Trúc Kinh được bố trí 19 người, trong đó trình độ đại học 1 người, cử nhân 1 người, trung cấp kỹ thuật thủy lợi 3 người, còn lại là công nhân thủy nông bậc 4 đến bậc 6.

Được phân công trách nhiệm như sau:

+ Cụm trưởng có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của cụm, tham gia họp đồng, nghiệm thu thanh lý tưới tiêu với các đơn vị dùng nước.

+ Công nhân quản lý đầu mối bố trí ăn ở sinh hoạt tại nhà quản lý đầu mối, có nhiệm vụ trực tại đầu mối 24/24 giờ, để kiểm tra, quan trắc theo dõi mọi diễn biến của cụm công trình đầu mối và khu vực lòng hồ. Trực tiếp vận hành đóng mở công lấy nước, tràn xả lũ theo lệnh của Cụm trưởng, hàng ngày quan trắc mực nước hồ, lượng mưa để báo về Xí nghiệp, thường xuyên duy tu bảo dưỡng thiết bị cơ điện, sửa chữa các hư hỏng nhỏ theo quy định của Công ty. Là lực lượng trực tiếp bảo vệ và ngăn chặn mọi hành vi xâm phạm đến an toàn công trình.

+ Công nhân quản lý kênh mương: Có trách nhiệm bảo vệ, kiểm tra và quản lý kênh và công trình trên kênh, trực tiếp vận hành điều tiết nước và các công lấy nước trên kênh. Thường xuyên bảo dưỡng duy tu sửa chữa công trình theo quy định của Công ty. Trực tiếp chủ động xử lý các sự cố hư hỏng có thể dẫn đến gây mất an toàn cho kênh. Là lực lượng chính để bảo vệ kênh và phát hiện kịp thời ngăn chặn, xử lý mọi hành vi gây mất an toàn cho kênh.

2. Tình hình bảo vệ công trình:

Trong 14 năm quản lý và khai thác nhìn chung tình hình bảo vệ công trình được đảm bảo, an toàn, chưa năm nào hồ xảy ra tình trạng thiếu nước tưới hoặc

công trình phải ngừng hoạt động do mất an toàn. Nhưng trong công tác bảo vệ vẫn tồn tại nhiều bất cập chưa được giải quyết đó là:

a. Khu vực lòng hồ:

Địa hình lòng hồ thuộc vùng đồi núi, có diện tích lưu vực rộng 49,6 km², chu vi đường viền ước tính 62km, chưa cắm mốc chỉ giới bảo vệ. Nên chính quyền các cấp không có cơ sở phân định, do đó đã xảy ra tình trạng cấp đất xâm chiếm khu vực bảo vệ lòng hồ.

Mặt khác do đường đi lại kiểm tra lòng hồ khó khăn, phương tiện thuyền dò kiểm tra chưa có, lực lượng quản lý mỏng, ít có điều kiện đi lại kiểm tra bảo vệ. Do đó không kịp thời ngăn chặn được tình trạng nhân dân xâm chiếm lòng hồ, san ủi rừng tự nhiên để lấy đất canh tác, hoặc nếu có phát hiện cũng chưa có biện pháp ngăn chặn hiệu quả vì thiếu sự cộng tác của chính quyền địa phương.

b. Khu vực cụm công trình đầu mối:

Nhiều năm qua công tác đo đạc phân giới phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình (bao gồm đập, tràn) chưa được thực hiện, do chưa có cơ sở pháp lý, mặt khác kinh phí cho hoạt động của Công ty không đủ, nên công tác đo đạc phân giới phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình chưa được thống nhất thực hiện với chính quyền địa phương. Thực tế cho thấy việc cấp đất của các địa phương chưa xem xét kỹ, đã cấp chồng lấn vào phạm vi công trình, gây khó khăn cho công tác sửa chữa và bảo vệ công trình.

c. Hệ thống kênh mương:

Kênh mương trải dài trên diện rộng, chủ yếu đi qua đồng ruộng và khu dân cư, đồng thời việc xác định phạm vi bảo vệ kênh mương chưa được đo đạc cắm mốc đầy đủ, nên việc bảo vệ gặp nhiều phức tạp. Tình trạng lấy cắp máy đóng mở cống, thả chất thải vào công trình, đào phá kênh mương đặt ống lấy nước, xây dựng chuồng trại, công trình trái phép lấn chiếm kênh mương, đào ao cuốc ruộng sát mép chân công trình...gây mất an toàn cho kênh mương. Mặc dù công nhân bảo vệ phát hiện, lập biên bản vi phạm và đề nghị chính quyền địa phương xử lý, nhưng địa phương còn đứng ngoài cuộc, trong khi đó vai trò xử phạt hành chính thuộc về chính quyền địa phương, nên tình trạng vi phạm công trình vẫn còn tiếp diễn. Công tác bảo vệ chưa có hiệu lực.

Điều 7. Quy định chế độ kiểm tra thường xuyên, định kỳ, kiểm tra đột xuất và báo cáo:

1. Đặc thù công trình thủy lợi: Công trình có đặc thù là luôn ở trong trạng thái chịu tải, ngoài trời, trải dài trên diện rộng, thường xuyên chịu tác động của mưa gió, của các hoạt động con người và động vật nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an toàn. Để đảm bảo an toàn công trình Công ty TNHH MTV QLKTCTTL Quảng Trị (sau đây viết tắt là Công ty) phải thực hiện quy định chế độ kiểm tra công trình như sau:

2. Quy định chế độ kiểm tra công trình:

*** Kiểm tra thường xuyên:**

Công trình đầu mối và khu vực lòng hồ:

(Phụ lục số 8: Phân giao nhiệm vụ kiểm tra công trình)

*** Kiểm tra định kỳ trước và sau mùa mưa lũ:**

a. Trước mùa mưa lũ:

- Hàng năm vào thời điểm trước mùa mưa lũ Công ty phải tiến hành kiểm tra đánh giá chung về ổn định công trình đầu mối, kênh mương, bổ sung phương án phòng chống lụt bão. Đồng thời lập kế hoạch tổ chức phối hợp chặt chẽ với BCH PCLB tỉnh và BCH PCLB huyện Cam Lộ, Gio Linh.

- Thời gian kiểm tra vào đầu tháng 6 hàng năm.

b. Vào thời điểm sau khi kết thúc mùa mưa lũ:

- Công ty phải thực hiện kiểm tra nhằm phát hiện các hư hỏng (nếu có); theo dõi diễn biến các hư hỏng đã có của công trình đầu mối, kênh mương; đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa khắc phục các hư hỏng tồn tại nhằm đảm bảo phục vụ kịp thời cho sản xuất.

- Thời gian kiểm tra vào cuối tháng 11 hàng năm.

*** Kiểm tra đột xuất:**

Công ty thực hiện kiểm tra đột xuất trong các trường hợp sau:

- Khi xảy ra mưa lũ lớn, động đất hoặc phát hiện công trình có hư hỏng đột xuất, nghi ngờ có âm mưu phá hoại.

- Nhằm có biện pháp, giải pháp kịp thời bảo đảm an toàn công trình.

3. Quy định chế độ báo cáo công trình

- Công ty phải thực hiện chế độ báo cáo công trình như sau:

a. Báo cáo thường xuyên (về văn phòng Công ty)

- Hàng ngày: Báo cáo mực nước, lượng mưa và các yếu tố khí tượng, thủy văn khác theo quy phạm (tiêu chuẩn ngành 14TCN-49-86)

- Các vi phạm về công trình đầu mối, kênh mương (nếu có).

- Các số liệu quan trắc khác có liên quan.

b. Báo cáo đột xuất:

Báo cáo đột xuất về cơ quan có thẩm quyền: Sở NN&PTNT; Ban chỉ huy PCLB tỉnh Quảng Trị khi xảy ra các tình huống sau:

- Phát hiện các đột biến về kết quả đo thăm, chuyển vị của đập.

- Công trình đầu mối, kênh mương bị hư hỏng nặng hoặc các hư hỏng đã có từ trước diễn biến theo chiều hướng xấu.

- Sự cố trong vận hành cửa van các công trình đập, tràn trong mùa lũ.

- Mưa lớn trên lưu vực hồ chứa khi hồ đã đầy nước.

- Nghi ngờ có âm mưu phá hoại công trình.

c. Báo cáo định kỳ hàng năm:

Báo cáo định kỳ hàng năm về sở NN&PTNT; Ban chỉ huy PCLB Tỉnh về hiện trạng an toàn công trình đầu mối, kênh mương bao gồm:

- Mực nước trữ cao nhất trong hồ chứa; thời gian xuất hiện đỉnh lũ.

- Quá trình xả lũ.

- Kết quả đo đạc, quan trắc công trình đầu mối đã được hiệu chỉnh, phân tích đánh giá.

- Các hư hỏng của công trình và công tác sửa chữa khắc phục.
- Kết quả kiểm tra công trình trước mùa mưa lũ.
- Các nội dung khác có liên quan.

CHƯƠNG III
PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ
KHU VỰC LÒNG HỒ VÀ CỤM CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI
TRONG ĐIỀU KIỆN VẬN HÀNH QUẢN LÝ BÌNH THƯỜNG

Điều 8. Mục đích Phương án bảo vệ:

Phương án tổ chức, bố trí nhân, vật lực để kiểm tra, quan trắc và bảo vệ công trình, nhằm ngăn chặn các hành vi vi phạm, kịp thời xử lý các sự cố công trình, để bảo đảm an toàn công trình trong mọi tình huống.

Điều 9. Quy định phạm vi bảo vệ công trình:

Theo điều 25 của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi: Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm công trình và vùng phụ cận.

1. Khu vực lòng hồ:

- Phạm vi bảo vệ bao gồm lòng hồ và vùng phụ cận

Vùng phụ cận bảo vệ công trình được tính từ đường biên có cao trình 23.4m trở xuống phía lòng hồ.

- Mốc chỉ giới bảo vệ cắm theo đường biên nói trên, có khoảng cách giữa 2 mốc liền nhau ≤ 100 m.

- Diện tích vùng bảo vệ lòng hồ là 6,12 km², số mốc bảo vệ là 661 mốc.

2. Đập đất: Phạm vi bảo vệ bao gồm công trình và vùng phụ cận

- Đập Trúc Kinh thuộc loại cấp 3, do đó phạm vi vùng phụ cận bảo vệ đập từ chân đập trở ra 100m, phạm vi không được xâm phạm cách chân đập 40 m thuộc quyền quản lý trực tiếp của Công ty, phạm vi còn lại được sử dụng cho các mục đích không gây mất an toàn đập.

Tổng chiều dài của các đập và công trình là: 5619,7m. Tổng số mốc là: 89 mốc (đập chính: 55 mốc, đập phụ 1: 14 mốc, đập phụ 2: 12 mốc, đập phụ 3: 8 mốc,

- Diện tích bảo vệ đập đất (đập chính, đập phụ 1, đập phụ 2) là: 540.000m²

3. Tràn xả lũ: Phạm vi bảo vệ bao gồm công trình và vùng phụ cận

- Phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tràn tính từ mép ngoài cùng của công trình trở ra 100m, mốc chỉ giới bảo vệ cắm theo đường biên vùng phụ cận có khoảng cách giữa 2 mốc liền nhau ≤ 50 m, số mốc bảo vệ là 8

- Diện tích bảo vệ tràn xả lũ là: 26.100m².

4. Tràn sự cố: Phạm vi bảo vệ gồm công trình và vùng phụ cận:

- Phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tràn tính từ mép công trình về phía hạ lưu 100m, mốc chỉ giới bảo vệ cắm theo đường biên vùng phụ cận có khoảng cách giữa 2 mốc là 50 m, số mốc bảo vệ là 2 mốc.

Điều 10. Các chế độ bảo vệ:

Để đảm bảo an toàn cho công trình, Công ty phải thực hiện chế độ bảo vệ công trình như sau:

1. Chế độ bảo vệ thường xuyên:

- Công trình đầu mối, tràn xả lũ thực hiện chế độ bảo vệ 24h/24h trong ngày, kể cả các ngày lễ, tết.

- Đối với khu vực lòng hồ: Trục bảo vệ thường xuyên hàng ngày, một tuần đi tuần tra bảo vệ 1 lần toàn bộ khu vực lòng hồ.

2. Chế độ bảo vệ đột xuất:

Công ty phải tăng cường bảo vệ đột xuất ở các vị trí xung yếu tại công trình đầu mối khi:

- Bão lũ lớn xảy ra.
- Khi báo động có động đất.
- Công trình có sự cố.
- Nghi ngờ có âm mưu phá hoại.

Điều 11. Tổ chức lực lượng bảo vệ:

Để bảo vệ an toàn công trình đầu mối Công ty tổ chức lực lượng bảo vệ như sau:

1. Tổ chức lực lượng bảo vệ thường xuyên:

- Tổ công nhân thủy nông đầu mối kiêm nhiệm vụ bảo vệ thường xuyên công trình đầu mối và khu vực lòng hồ. Dưới sự điều hành trực tiếp của Cụm trưởng.

- Số lượng 03 người (trong đó 1 công nhân thủy nông bậc 6 và 2 trung cấp kỹ thuật thủy lợi)

- Bố trí: Tổ bảo vệ được bố trí ăn, ở, sinh hoạt tại nhà quản lý đầu mối, được trang cấp 1 máy điện thoại để đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt 24/24 h trong ngày.

Khi thay ca trực bảo vệ phải ghi chép đầy đủ tình hình và ký giao nhận vào sổ đầu mối.

Điều 12. Phân công và trách nhiệm bảo vệ công trình.

1. Công nhân bảo vệ: Hàng ngày bên cạnh công tác chuyên môn, phải thường xuyên có mặt trên hiện trường để đi lại kiểm tra bảo vệ công trình (bao gồm đập đất, cống lấy nước, tràn xả lũ, đường quản lý, khuôn viên nhà quản lý, khu vực lòng hồ và phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình)

- Khi phát hiện công trình có nguy cơ bị xâm hại hoặc bị xâm hại, thì phải ngăn chặn các hành vi vi phạm đến an toàn công trình.

- Trường hợp không đủ khả năng để ngăn chặn, khắc phục hoặc các đối tượng có hành vi cố tình vi phạm an toàn công trình thì phải khẩn trương báo cho Cụm trưởng và chính quyền địa phương biết để có biện pháp xử lý. Đồng thời báo cáo lên cấp trên.

- Khi phát hiện công trình có sự cố có thể dẫn đến gây mất an toàn thì có trách nhiệm khắc phục nếu có thể thực hiện được.

- Trường hợp không đủ khả năng để khắc phục sự cố thì phải khẩn trương báo cho Cụm trưởng biết để có biện pháp xử lý.

- Mọi trường hợp để xảy ra hiện tượng vi phạm công trình, dù đã được xử lý tốt hay không tốt, nhưng gây hậu quả thiệt hại về tài chính, thì công nhân bảo vệ phải bị phạt kỷ luật theo nội quy lao động của Công ty.

2. Cụm trưởng:

- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc thực hiện bảo vệ công trình của công nhân bảo vệ đầu mối.

- Chịu trách nhiệm giải quyết các hành vi vi phạm công trình khi công nhân bảo vệ đề nghị.

- Khi xảy ra sự cố lớn có thể gây mất an toàn công trình, Cụm trưởng phải chịu trách nhiệm huy động nhân vật lực để khắc phục sự cố một cách sớm nhất để bảo đảm an toàn công trình. Nếu vượt quá khả năng thì báo lãnh đạo Xí nghiệp và cấp trên để xin hướng chỉ đạo.

- Mọi trường hợp để xảy ra vi phạm công trình, dù đã được xử lý tốt hay không tốt, nhưng gây hậu quả thiệt hại về tài chính, thì Cụm trưởng phải chịu trách nhiệm liên đới theo nội quy lao động của Công ty.

3. Lãnh đạo Xí nghiệp:

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo việc thực hiện bảo vệ công trình của cụm. Hỗ trợ cụm giải quyết các hành vi vi phạm công trình, các sự cố công trình vượt quá khả năng của cụm.

- Nếu kiểm tra chỉ đạo bảo vệ công trình không tốt để xảy ra hậu quả nghiêm trọng, thì Giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty theo quy chế của Công ty.

4. Lãnh đạo Công ty:

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo việc thực hiện bảo vệ công trình của Xí nghiệp, hỗ trợ Xí nghiệp giải quyết các hành vi vi phạm công trình, các sự cố công trình vượt quá khả năng của Xí nghiệp.

Điều 13. Nội quy bảo vệ công trình:

1. Vị trí bố trí bảng nội quy:

- Cuối đập phụ 1: 1 bảng

- Chân hạ lưu đập chính (gần cống áp lực): 1 bảng

- Tại tràn xả lũ: 1 bảng

- Cuối đập phụ 3: 1 bảng

- Khu vực lòng hồ bố trí 4 bảng tại địa bàn 4 xã Cam An, Linh Hải, Gio Quang, Cam thanh.

2. Nội quy bảo vệ công trình thủy lợi gồm các nội dung chính sau:

a. Nghiêm cấm các hành vi sau đây: (Trích Điều 28 của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi)

- Lấn chiếm, sử dụng đất trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; các hoạt động gây cản trở đến việc quản lý, sửa chữa và xử lý công trình khi có sự cố.

- Các hành vi trái phép gây mất an toàn cho công trình thủy lợi trong phạm vi bảo vệ công trình bao gồm:

+ Khoan, đào đất đá, xây dựng trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi gây mất an toàn cho công trình.

+ Sử dụng chất nổ gây hư hại; tự ý dỡ bỏ hoặc lắp công trình thủy lợi phục vụ lợi ích công cộng;

- Thải các chất thải độc hại, nước thải chưa xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn cho phép vào công trình thủy lợi;

- Vận hành công trình thủy lợi trái với quy trình, quy phạm kỹ thuật đã được quy định.

- Các hành vi khác gây mất an toàn cho công trình thủy lợi.

b. Trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, các hoạt động sau đây chỉ được tiến hành khi có giấy phép (Trích Điều 26 của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Điều 24 của Nghị định 143 của Chính phủ)

- Xây dựng công trình mới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

- Xả nước thải vào công trình thủy lợi;

- Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất, thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan đào thăm dò, khai thác khoáng sản; khoan, đào thăm dò, khai thác vật liệu xây dựng.

- Trồng cây lâu năm;

- Khai thác các hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, các hoạt động kinh doanh dịch vụ;

- Các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới, trừ xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và xe cơ giới dùng cho người tàn tật;

- Xây dựng kho, bến, bãi bốc dỡ; tập kết vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện;

- Xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản;

- Chôn, lấp phế thải, chất thải;

- Nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây hại khác;

- Xây dựng các công trình ngầm, bao gồm: đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp thoát nước.

3. Nội quy bảo vệ hồ chứa và vùng lòng hồ:

a. Các hành vi bị cấm trong hành lang bảo vệ hồ chứa và vùng lòng hồ: (Trích Điều 5 của Nghị định 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008)

- Các hoạt động gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước và môi trường, làm biến dạng địa hình, làm mất cảnh quan môi trường hồ chứa.

- Hủy hoại hoặc làm hư hỏng các công trình liên quan của hồ chứa, tổn hại đến nguồn nước hồ chứa, không bảo đảm an toàn và tính bền vững của hồ chứa.

- Lấn chiếm, xây dựng mới các công trình, nhà ở không theo quy hoạch; đổ chất thải rắn, đá, cát sỏi, nước thải không đạt tiêu chuẩn môi trường vào hồ chứa.

- Khai thác các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng đang cơ trú trong vùng hồ, nuôi trồng các động thực vật lạ không rõ nguồn gốc, xâm hại nghiêm trọng đến hệ động, thực vật lòng hồ..

b. Cấm các hoạt động sau đây trong vùng lòng hồ: (trích khoản 5 điều 8 của Nghị định 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008.)

- Xây dựng nhà ở, khu dân cư;

- Xây dựng chuồng trại chăn nuôi, đào đắp bờ bao nuôi trồng thủy sản;

- Chôn, lấp phế thải, chất thải;

- Nổ mìn và các hoạt động nổ gây hại khác.

c. Các hoạt động sau đây trong hành lang bảo vệ hồ chứa và vùng lòng hồ chỉ được tiến hành khi có sự đồng ý bằng văn bản của chủ đập và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền: (trích khoản 4 Điều 8 của Nghị định 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008.)

- Xây dựng công trình mới;
- Xả nước thải vào nguồn nước hồ chứa;
- Khai thác, sử dụng tài nguyên nước hồ chứa;
- Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất, thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan đào thăm dò, khai thác khoáng sản; khoan, đào thăm dò, khai thác vật liệu xây dựng.
- Trồng cây lâu năm
- Các hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ;
- Các hoạt động của xe cơ giới, trừ xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và xe cơ giới dùng cho người tàn tật;
- Xây dựng kho, bãi, cảng bến xếp dỡ hàng hóa và trả khách; tập kết vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện;
- Xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản;
- Chôn, lấp phế thải, chất thải;
- Nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây hại khác;
- Xây dựng các công trình ngầm, bao gồm: đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp thoát nước.

CHƯƠNG IV
PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ
BẢO ĐẢM AN TOÀN CÔNG TRÌNH TRONG MÙA MƯA LŨ VÀ
TRONG TRƯỜNG HỢP CÔNG TRÌNH XẢY RA SỰ CỐ HOẶC CÓ
NGUY CƠ XẢY RA SỰ CỐ.

Để chủ động phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn công trình, Công ty thực hiện xây dựng phương án bảo vệ bảo đảm an toàn công trình trong mưa lũ và trong trường hợp công trình xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố với các phương án sau

Điều 14. Phương án tổ chức, chỉ huy:

1. Phương án tổ chức:

a. Thành lập ban chỉ huy PCBL:

Ban chỉ huy PCBL Công ty TNHH một thành viên QLKTCTTL Quảng Trị do Tổng Giám đốc Công ty làm trưởng ban, phó tổng Giám đốc, Trưởng phòng kỹ thuật làm phó ban, các ủy viên là các phòng khác của Công ty và Giám đốc các Xí nghiệp thành viên.

b. Thành lập BCH PCBL của Xí nghiệp Gio Cam Hà:

Ban CHPCLB Xí nghiệp Gio Cam Hà do Giám đốc Xí nghiệp làm trưởng ban; phó Giám đốc xí nghiệp làm phó ban; các cụm trưởng, trưởng bộ phận KH-KT là ủy viên.

c. Thành lập tiểu ban CH PCBL hệ thống Trúc Kinh:

Để chỉ đạo tốt công tác PCLB hệ thống Trúc Kinh dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão Công ty TNHH MTV QLKTCT Thủy lợi Quảng Trị và Ban Chỉ huy PCLB Xí nghiệp thủy nông Gio Cam Hà, BCH PCLB huyện Gio Linh, huyện Cam Lộ.

Tiểu ban PCLB hệ thống Trúc Kinh do Cụm trưởng cụm Thủy nông Trúc Kinh làm Trưởng tiểu ban, đ/c cụm phó làm phó trưởng tiểu ban, đ/c Chủ tịch UBND xã Cam An làm Phó trưởng tiểu ban, đ/c Chủ tịch UBND xã Gio Quang làm Phó trưởng tiểu ban và các ủy viên, thành viên của tiểu ban PCLB hệ thống Trúc Kinh (danh sách kèm theo phụ lục số 9)

Phương án PCLB của hệ thống Trúc Kinh nằm trong Phương án PCLB của huyện Gio Linh, huyện Cam Lộ, Xí nghiệp thủy nông Gio Cam Hà và Công ty TNHH MTV QLKTCT TL Quảng Trị.

UBND tỉnh Quảng Trị ra Quyết định thành lập Tiểu ban PCLB hệ thống Trúc Kinh.

Hàng năm trước mùa mưa lũ tiểu BCH PCBL Trúc Kinh tiến hành tổ chức hội nghị và phân công trách nhiệm cho các thành viên theo phương án PCLB đã được phê duyệt.

Điều 15. Phương án kỹ thuật:

1. Trước mùa mưa bão: BCH PCBL Công ty TNHH MTV QLKTCTTL Quảng Trị chỉ đạo thực hiện một số công việc sau:

- Kiểm tra đánh giá tình hình công trình Trúc Kinh, kiểm kê vật tư vật liệu còn lại trong kho. Xây dựng phương án PCBL hệ thống Trúc Kinh và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt

- Chỉ đạo lập đồ án, dự toán, để tiến hành triển khai sửa chữa những vị trí công trình cần thiết, mua sắm bổ sung các loại vật tư vật liệu, tổ chức thi công những hạng mục được duyệt. Kiểm tra các phương tiện phục vụ cho công tác PCBL đảm bảo hoạt động được tốt.

- Lập phương án vận hành tràn xả lũ .

- Đối với tràn xả lũ phải tổ chức kiểm tra vận hành đóng mở thử trước ngày 30/8. Trong mùa mưa lũ phải vận hành theo phương án đã được phê duyệt.

Vật tư, vật liệu và phương tiện PCBL bảo vệ công trình do Công ty chuẩn bị, tập kết tại đầu mối Trúc Kinh, có sổ theo dõi và ký nhận đầy đủ, Cụm Trúc Kinh tự trách nhiệm quản lý trong quá trình chống lụt bão.

- Quy định mức báo động hiệu lệnh báo động của hồ Trúc Kinh: (Phụ lục 5)

2. Trong mưa bão:

- Khi có mưa to, có hiện tượng lũ xảy ra Cụm Trúc Kinh phải triển khai chuẩn bị lực lượng và kiểm tra vật tư trang thiết bị đã được tập kết để sẵn sàng ứng phó.

- Khi có báo động tổ chức trực theo dõi diễn biến mưa lũ 24^h/24^h, ghi chép theo dõi đầy đủ diễn biến từng trận lũ, mực nước lũ.

- Cụm Trúc Kinh phân công trực, tuần tra kiểm tra công trình, phát hiện và huy động lực lượng xử lý sự cố, hướng dẫn chỉ đạo lực lượng của địa phương về kỹ thuật và biện pháp khi xử lý công trình.

- Kịp thời báo cáo các hư hỏng, sự cố công trình về ban chỉ huy PCLB Công ty.

3. Sau mưa bão: Kiểm tra, báo cáo các thiệt hại xảy ra, lập đồ án dự toán sửa chữa các công trình hư hỏng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhằm kịp thời sửa chữa công trình, phục vụ sản xuất.

Điều 16. Phương án huy động vật tư, vật liệu, phương tiện, trang thiết bị:

- Thực hiện phương châm 4 tại chỗ: Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ.

- Vật tư vật liệu phục vụ công tác PCBL như: Đá hộc, cát sạn, vải lọc, cọc tre, phên tre, rọ thép, bao tải, nhà bạt ... được tập kết sẵn sàng tại đầu mỗi công trình và hoàn thành trước ngày 30/8.

- Vật tư, vật liệu huy động khi ứng cứu công trình, căn cứ tình hình thực tế để huy động theo phương án PCLB hàng năm của hệ thống.

- Phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác PCLB:

+ Xe máy, điện thoại.

+ Ô tô.

+ Các trang thiết bị khác như: Máy phát điện, áo phao, đèn pin ... được chuẩn bị sẵn tại nhà quản lý đầu mối.

+ Ô tô tải vận chuyển, máy xúc, máy ủi (Dự kiến điều động đơn vị xây lắp).

Điều 17 . Phương án huy động nhân lực, hậu cần:

- Khi có mưa to, hiện tượng lũ có thể xảy ra lực lượng cán bộ công nhân trong toàn Xí nghiệp có mặt tại vị trí đã được phân công để triển khai nhiệm vụ. Đối với đầu mối Trúc Kinh ngoài công nhân quản lý bảo vệ đầu mối, các CBCNV khác trong cụm Trúc Kinh được phân công lên trực đầu mối phải có mặt 100%, đơn vị ứng cứu được thông báo để chuẩn bị tinh thần và dụng cụ.

Hậu cần: Lương thực, thực phẩm, thuốc men, dầu đèn ... do Cụm tự đảm nhận.

- Khi Mực nước Hồ ở mức báo động III trở lên tất cả các lực lượng hộ đê có mặt 100% tại khu vực tập kết để kịp thời khi cần ứng cứu.

- Lực lượng ứng cứu thuộc đơn vị Phường, Xã, HTX lúc đi ứng cứu PCBL phải cử người chỉ huy điều hành, danh sách và địa điểm tập kết gửi trước cho tiểu BCH PCBL Trúc Kinh để chủ động nắm lực lượng và huy động.

- Lực lượng hộ đê đập (phụ lục kèm theo)

- Lực lượng hộ đê đập dụng cụ mang theo: 1/3 cước xẻng, 2/3 quang gánh hoặc cáng và chịu trách nhiệm sử dụng, bảo quản. Hậu cần do từng đơn vị tự túc để đảm bảo chủ động. Chăm công và có xác nhận của tiểu BCH PCBL Trúc Kinh để thanh toán bằng tiền mặt theo chế độ.

Điều 18. Phương án thông tin liên lạc:

- Trực chỉ huy: Theo phương án PCLB hàng năm

- Thời gian liên lạc: Bắt đầu từ 1/9 đến 30/11 khi có tin bão trực 24/24h.

Thời tiết bình thường: Báo cáo mực nước Hồ và lượng mưa về XN, để sau đó XN báo về Công ty vào lúc 7h và 19h hàng ngày.

Đặc biệt trong từng đợt mưa lũ thực hiện chế độ báo cáo mực nước lượng mưa cứ 01 giờ 01 lần.

- Phương tiện thông tin liên lạc:

+ Máy điện thoại cố định bố trí tại nhà quản lý đầu mối 01 cái.

+ Máy di động cá nhân tự túc, nhưng trong mưa lũ phải mở máy liên tục 24/24h.

+ Số điện thoại liên lạc: Theo phương án PCLB hàng năm

+ Nếu liên lạc bị gián đoạn phải cử người trực tiếp về trung tâm báo cáo.

Điều 19. Phương án sơ tán dân cư:

- Khi mực nước hồ Trúc Kinh từ báo động 3 trở lên, tiểu BCH PCBL Trúc Kinh phải thông tin kịp thời về ban chỉ huy PCLB Công ty, BCH PCLB huyện Gio Linh, Cam Lộ để thông báo cho người dân biết.

- Khi công trình có nguy cơ sự cố, không bảo đảm an toàn cho đập, tiểu BCH PCBL Trúc Kinh phải thông báo kịp thời đến các ban chỉ huy PCLB Công ty, BCH PCLB huyện Gio Linh, Cam Lộ để di dời các hộ dân vùng sau đập. Việc di dời các vùng dân cư phía sau đập khi có nguy cơ sự cố như sau:

- Sơ tán dân 3 xã Gio Quang, Cam An và Linh Hải lên vùng đồi phía trên đường sắt khi hồ Trúc Kinh có nguy cơ xảy ra sự cố.

(Phương án tổ chức sơ tán dân do BCH PCBL huyện Gio Linh, huyện Cam Lộ xây dựng hàng năm kèm theo phương án PCLB của huyện)

CHƯƠNG V

PHÊ DUYỆT VÀ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ CÔNG TRÌNH

Điều 20. Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án bảo vệ công trình.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Trị:

1. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Quảng Trị xây dựng và thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi Trúc Kinh.

2. Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện phương án theo thẩm quyền.

3. Thẩm định phương án; thẩm định các nội dung bổ sung sửa đổi của phương án theo đề nghị của Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Quảng Trị; trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt.

Điều 21. Phê duyệt Phương án bảo vệ công trình và trách nhiệm của các cấp chính quyền.

1. UBND tỉnh Quảng Trị:

a. Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi Trúc Kinh; phê duyệt bổ sung các nội dung sửa đổi phương án bảo vệ công trình thủy lợi trên cơ sở thẩm định và đề nghị của sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị.

b. Chỉ đạo việc thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi Trúc Kinh.

c. Xử lý các hành vi ngăn cản, xâm hại đến việc thực hiện phương án này theo thẩm quyền.

d. Quyết định các biện pháp khẩn cấp trong tình huống đặc biệt nhằm đảm bảo bảo vệ an toàn công trình (đề phòng các âm mưu phá hoại, các tình huống đặc biệt trong mùa mưa lũ)

2. Các cấp chính quyền huyện Gio Linh, Cam Lộ:

a. Nghiêm chỉnh thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi Trúc Kinh.

b. Phối hợp với Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Quảng Trị ngăn chặn, xử lý những vi phạm về bảo vệ công trình Trúc Kinh.

c. Huy động lực lượng dân quân tự vệ, bộ đội địa phương, công an huyện phối hợp với lực lượng bảo vệ công trình thủy lợi Trúc Kinh, nhằm bảo vệ an toàn công trình trong các tình huống khẩn cấp.

d. Tuyên truyền và vận động nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định về phương án bảo vệ công trình thủy lợi Trúc Kinh.

e. Xử lý các hành vi vi phạm về phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền quy định.

3. Các hộ dùng nước và những đơn vị hưởng lợi liên quan khác

a. Nghiêm chỉnh thực hiện các quy định có liên quan của phương án này.

b. Phối hợp cùng Công ty bảo vệ tốt công trình.

CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22.


a. Các quy định về bảo vệ công trình thủy lợi Trúc Kinh trước đây trái với những quy định trong phương án này đều bãi bỏ.

b. Trong quá trình thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi Trúc Kinh nếu có nội dung cần sửa đổi bổ sung, Công ty báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét trước khi trình UBND tỉnh Quảng Trị quyết định.

c. Công ty là đơn vị có trách nhiệm lập phương án bảo vệ công trình và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi Trúc Kinh được phê duyệt.

d. Những tổ chức, cá nhân thực hiện tốt phương án bảo vệ công trình này được xem xét khen thưởng theo quy định. Mọi hành vi vi phạm phương án bảo vệ công trình này sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Nguyễn Quân Chính

Phụ lục 1: BẢNG CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU HỒ TRÚC KINH

I	Thông số	Đơn vị	Trị số
1.1.1	Tưới cho NN	Ha	2.350
II	Các thông số kỹ thuật		
2.1	Các thông số chung		
2.1.1	Diện tích lưu vực	Km ²	49.6
2.1.2	Cấp công trình đầu mối		III
2.1.3	Tần suất đảm bảo tưới	%	75
2.1.4	Lưu lượng đầu kênh thiết kế	m ³ /s	4.3
2.1.5	Tần suất lũ thiết kế	%	1.0
2.1.6	Tần suất lũ kiểm tra	%	0.2
2.1.7	Tần suất lũ khẩn cấp	%	0.01
2.1.8	Mức nước dâng bình thường	m	19.7
2.1.9	Mức nước dâng gia cường lũ thiết kế mới, PTK=1%	m	21.41
2.1.12	Mức nước chết	m	8.8
2.1.13	Dung tích chết	Triệu m ³	2.6
2.1.14	Dung tích toàn bộ hồ	Triệu m ³	39.00
2.1.15	Dung tích hữu ích	Triệu m ³	36.40
2.1.16	Dung tích ứng với mực nước chết(W _{mnc})	Triệu m ³	2.60
2.1.17	Diện tích mặt hồ(F) ứng với MNDBT	ha	580
2.1.18	Lưu lượng lũ Q _{p1%}	m ³ /s	833
2.1.19	Lưu lượng lũ Q _{p1.5%}	m ³ /s	830
2.1.20	Tổng lượng lũ W _{p1%}	Triệu m ³	23.5
2.1.21	Tổng lượng lũ W _{p1.5%}	Triệu m ³	23
2.2	Đập đất		
2.2.1	Đập chính:		
2.2.2	Chiều dài đập:	m	3.740
2.2.3	Cao trình đỉnh đập	m	22.40
2.2.4	Chiều cao lớn nhất	m	19.60
2.2.5	Cao trình đỉnh tường chắn sóng	m	23.40
2.2.6	Bề rộng mặt đập	m	5.0
2.2.7	Mái thượng lưu		3,0 – 3,25
2.2.8	Mái hạ lưu		2,75 – 3,0
2.2.9	Cao trình cơ thượng lưu, cơ 1, cơ 2:	m	6.5, 12.45
2.2.10	Cao trình cơ hạ lưu	m	14.2
2.2.11	Cao trình đồng đá thoát nước	m	6.5
2.2.12	Bề mặt cơ thượng lưu	m	3.0
2.2.13	Bề mặt cơ hạ lưu	m	3.0

2.2.14	Hình thức đập		Đập đồng chất
2.2.15	Đất đắp áp trúc $\gamma_k, K=0.98$	T/m ³	1.6
	Đập phụ 1, đập phụ 2, đập phụ 3		
2.2.13	Chiều dài đập:	m	Lđp1 = 680, Lđp2= 580, Lđp3=400
2.2.14	Cao trình đỉnh đập	m	23.40
2.2.15	Chiều cao lớn nhất (Đập Phụ I)	m	6.99
2.2.16	Chiều cao lớn nhất (Đập Phụ II)	m	10.74
2.2.17	Chiều cao lớn nhất (Đập Phụ III)	m	6.75
2.2.18	Bề rộng mặt đập	m	4.0
2.2.19	Mái thượng lưu		2.5
2.2.20	Mái hạ lưu		2.0
2.3	Cống lấy nước		
2.3.1	Hình thức công(cống bằng BTCT M200 dưới đập)		
2.3.2	Khẩu độ công (bxh)	m	1.2x1.6
2.3.3	Cao độ đáy công	m	7.0
2.3.4	Lưu lượng lấy qua công	m ³ /s	4.3
2.4	Nhà quản lý		
2.4.1	Vị trí		phía hữu tràn xã lữ
2.4.2	Diện tích xây dựng	m ²	95.20
2.4.3	Diện tích khu đất	m ²	691.0
2.4.4	Cấp	IV	
2.4.5	Kết cấu kiến trúc		Tường xây gạch, trần đổ BTCT,mái tôn chống nóng
2.5	Đường quản lý		
2.5.1	Mặt đường đất cấp phối		
2.5.2	Chiều dài	m	4.500
2.5.3	Chiều rộng lòng đường	m	4.0
2.6	Hệ thống đường dây điện		
2.6.1	Chiều dài đường dây điện	m	200
2.6.2	Tuyến dây điện cho vận hành tràn	m	50
2.7	Tràn xả lũ:		
2.7.1	Hình thức tràn		Tràn đỉnh rộng + dốc nước,cửa van cung, loại tràn sâu.

2.7.2	Lưu lượng xả qua tràn ứng với p=1%	m ³ /s	485
2.7.3	Cột nước trên tràn ứng với p=1%	m	5.7
2.7.4	Chiều rộng tràn	m	7x3=21
2.7.5	Cao trình ngưỡng tràn	m	14.0
2.7.6	Chiều dài dốc tràn	m	149.0
2.7.7	Chiều rộng cuối dốc tràn	m	20.0
2.7.8	Chiều sâu bể tiêu năng	m	3.0
2.7.9	Chiều dài bể tiêu năng	m	226.0
2.7.10	Chiều rộng bể tiêu năng	m	22.0

Phụ lục 2: Lượng mưa phân bố các tháng trong năm

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	CN
Lượng mưa (mm)	85,0	0,0	16,0	56,0	264,0	1,0	0,0	97,0	1.016	533,0	59,0	57,0	2.184

Phụ lục 3: Đặc trưng dòng chảy bình quân nhiều năm

Tuyến đập	F _{LV} (Km ²)	X ₀ (mm)	Q _{TB} (m ³ /s)	M ₀ (l/s-km ²)	W ₀ (10 ⁶ m ³)
Trúc Kinh	49,6	2.319	2,24	46,5	70,6

Phụ lục 4: Đặc trưng dòng chảy lũ thiết kế

Đặc trưng/P%	1%	1.5%
Q _{P%} (m ³ /s)	833	830
W _P (10 ⁶ m ³)	23,5	23,0

Phụ lục 5: Quy định mức báo động của Hồ Trúc Kinh:

TT	Mức báo động	Mực nước hồ (m)
1	Báo động 1	17,0÷18,0
2	Báo động 2	18,0÷19,0
3	Báo động 3	19,0÷19,7
4	Báo động khẩn cấp	>19,7

Phụ Lục 6: Hiệu lệnh báo động:

TT	Mức báo động	Hiệu lệnh
1	Báo động 1	01 hồi keng

2	Báo động 2	02 hội kèng
3	Báo động 3	03 hội kèng
4	Báo động khẩn cấp	05 hội kèng kết hợp loa phát thanh

Phụ lục 7: Lực lượng hộ đê đập trong mùa mưa bão và khi công trình có sự cố

TT	Cấp báo động theo mực nước hồ	Khu vực ứng cứu	Lực lượng (người)	Đơn vị hộ đê
1	Báo động 1	Đầu mối	3	Công nhân quản lý đầu mối
2	Báo động 2	Đầu mối	19	Công nhân quản lý đầu mối + Toàn bộ cán bộ và công nhân cụm Trúc Kinh
3	Báo động 3	Đầu mối	19	-Toàn bộ cán bộ và công nhân cụm Trúc Kinh - Phát lệnh huy động lực lượng sẵn sàng ứng cứu khi đập có nguy sự cố
4	Báo động khẩn cấp hoặc khi công trình có sự cố	Đầu mối	19 + 200	Toàn bộ cán bộ và công nhân cụm Trúc Kinh và lực lượng hộ đê đập của xã Gio Quang, xã Cam An

Phụ lục 8: Phân giao nhiệm vụ kiểm tra bảo vệ:

Công trình: Hồ chứa nước Trúc Kinh (thuộc hệ thống Trúc Kinh).

TT	Khu vực công trình Kiểm tra, bảo vệ	Đơn vị, bộ phận, thực hiện công tác kiểm tra	Thời gian kiểm tra
I	1.Công trình đầu mối:(bao gồm đập và tràn xả lũ)	1. Tổ công nhân quản lý đầu mối. 2. Cụm trưởng cụm Trúc Kinh. 3. Xí nghiệp thủy nông Gio Cam Hà	- Trực kiểm tra, bảo vệ công trình đầu mối, tràn xả lũ 24/24h/ngày (kể cả ngày nghỉ lễ, tết, chủ nhật).
	2.Khu vực lòng hồ:		- Kiểm tra vùng lòng hồ 1 lần/ tuần
			- Kiểm tra công trình đầu mối 2 lần/tuần
			- Kiểm tra lòng hồ 1 lần/tháng
			- Kiểm tra công trình đầu mối 1 lần/tháng

		4. Lãnh đạo; phòng KH-KT Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Quảng Trị	- Kiểm tra lòng hồ 1 lần/ 3 tháng - Kiểm tra công trình đầu mỗi 1 lần/3tháng - Kiểm tra lòng hồ 1 lần/năm
	3. Công trình đầu mỗi Trong mùa mưa bão	- Các bộ phận trực PCLB thực hiện kiểm tra, bảo vệ công trình theo phương án PCLB được phê duyệt hàng năm.	- Thực hiện chế độ kiểm tra, bảo vệ theo phương án PCLB được phê duyệt.

Phụ lục 9: Thành lập tiêu ban PCBL hệ thống Trúc Kinh

TT	Họ và tên	Chức vụ	Công việc
1	Trần Minh Trí	Cụm trưởng	Trưởng tiêu ban
2	Nguyễn Văn Triền	Cụm phó	Phó tiêu ban
3	UBND xã Cam An	Chủ tịch xã Cam An	Phó tiêu ban
4	UBND xã Gio Quang	Chủ tịch xã Gio Quang	Phó tiêu ban
5	Trương Công Tư	Công nhân cụm	Lực lượng
6	Trần Văn Lợi	Công nhân cụm	Lực lượng
7	Phan Văn Phụng	Công nhân cụm	Lực lượng
8	Đỗ Tiến Dũng	Công nhân cụm	Lực lượng
9	Trần Diệp	Công nhân cụm	Lực lượng
10	Nguyễn Đức Khích	Công nhân cụm	Lực lượng
11	Trần Đức Hai	Công nhân cụm	Lực lượng
12	Phạm Xuân Dũng	Công nhân cụm	Lực lượng
13	Nguyễn Việt Sáng	Công nhân cụm	Lực lượng
14	Nguyễn Văn Đức	Công nhân cụm	Lực lượng
15	Trần Thị Hương Giang	Công nhân cụm	Lực lượng
16	Trần Thọ	Công nhân cụm	Lực lượng
17	Trần Đức Doãn	Công nhân cụm	Lực lượng
18	Cao Duy Cường	Công nhân cụm	Lực lượng
19	Hoàng Đức Hòa	Công nhân cụm	Lực lượng